

Bản án số: 14/2020/HS-ST  
Ngày 23-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Lê Hồng Hạnh
<i>Thẩm phán:</i>	Ông Vũ Hoàng Linh
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Bà Lương Thị Diệu
	Ông Trương Thanh Tuyết
	Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân D tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:***  
Bà Vũ Thị Thúy Mai - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/HSST ngày 02 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Nhật D** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1968 tại N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 10, xã Tr, huyện Tr, tỉnh N; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân C (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1948; bị cáo có vợ Vũ Thị L, sinh năm 1972 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1993 (đã chết) nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; ngày 20/12/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 383/2017/HSST (thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo Trần Nhật D:*** Ông Kha Khải H, sinh năm 1989 là Luật sư của Công ty luật Hợp danh Việt Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

Địa chỉ: 17 Trần Khánh Dư, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1959 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt)

Cùng địa chỉ: P202 tòa nhà N3B L, quận T, Thành phố Hà Nội

- *Bị hại:*

Ông Vi Văn P, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: 60, thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại P:* Ông Trần Quốc V, sinh năm 1986 là Luật sư của Công ty Luật TNHH Công lý thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng)

Trú tại: Xóm 10, xã Tr, huyện Tr, tỉnh N

2. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng)

Trú tại: Tổ 6, khu 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

3. Bà Hồ Thị Xuân K, sinh năm 1979 (có mặt)

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trương Thị Thanh L, sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

2. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng)

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

3. Ông Trương Tuấn A, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng)

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

4. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Trú tại: Khu 2, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

6. Ông Bùi Thanh S, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2014, Trần Nhật D sinh sống như vợ chồng với Lê Thị K, SN 1976, HKTT: thôn 14, xã E, huyện E, tỉnh ĐắkLak; có 01 con chung tên Trần Nhật D, SN 2015. Quá trình sinh sống, D và K có mua bán hạt điều với nhiều người, trong đó có chị Trương Thị Thanh L, SN 1972, HKTT: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vào các ngày 31/3, 06, 08, 11, 13,15/4/2017, D sử dụng tên giả là Trần Định D và 02 sim điện thoại không đăng ký chính chủ số 0868.750.283 và 0967.460.754 [BL 68-77], để giao dịch mua bán 06 chuyến hạt điều với anh Vi Văn P, SN 1976, HKTT: Thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước tại nhà và kho của chị L tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, sau

đó bán lại cho chị L. Mỗi chuyến mua điều của anh P, D dùng thủ đoạn gian dối là chỉ thanh toán 01 phần tiền, phần còn lại cộng vào chuyến sau và ký xác nhận nợ vào phiếu cân điều của anh P bằng tên giả. Sau khi mua chuyến hạt điều cuối cùng của anh P vào ngày 15/4/2017, D vứt bỏ 02 sim điện thoại trên và bỏ trốn ra thành phố Hà Nội sinh sống để chiếm đoạt tổng số tiền 1.983.250.000<sup>d</sup> của anh P. Anh P và những người liên quan đến việc mua bán, cân trọng lượng, kiểm tra chất lượng hạt điều như chị L, chị Trần Thị Thanh T, SN 1991 (con gái chị L) và Nguyễn Bá T (T điều), SN 1988, HKTT: Xã Đ, huyện A, thành phố H; chỗ ở: Khu 2, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước (D thuê để kiểm tra hàng); Trương Tuấn A (Cu Li), SN 1990, HKTT: Thôn T, xã B, huyện P, Bình Phước (cháu của chị L, kiểm tra chất lượng hạt điều và giám sát cân trọng lượng), đều không biết nhân thân, lai lịch của Trần Nhật D [BL 78-93], cụ thể:

+ Chuyến 1: Ngày 31/3/2017, anh P bán cho D 20.135kg hạt điều [BL87], T giá mua bán là 50.800<sup>d</sup>/01kg, tổng số tiền 1.022.858.000<sup>d</sup>; D thanh toán 958.000.000<sup>d</sup> cho anh P, còn nợ 64.858.000<sup>d</sup> được thỏa thuận cộng vào chuyến sau [BL 165-168]. D cho anh P 02 số điện thoại là 0868.750.283 và 0967.460.754 để liên lạc.

+ Chuyến 2: Ngày 06/4/2017, anh P bán cho D 24.458kg hạt điều giá 50.000<sup>d</sup> = 1.222.900.000<sup>d</sup> [BL 79,93]. D đã thanh toán 922.900.000<sup>d</sup>, nợ anh P 300.000.000<sup>d</sup> + 64.858.000<sup>d</sup> (nợ chuyến 1) = 364.858.000<sup>d</sup>.

+ Chuyến 3: Ngày 08/4/2017, anh P bán cho D 26.409kg hạt điều giá 50.700<sup>d</sup> = 1.338.936.300<sup>d</sup>, bỏ số lẻ 6.300<sup>d</sup>, còn lại 1.338.930.000<sup>d</sup> + 364.858.000<sup>d</sup> (nợ cũ) = 1.703.788.000<sup>d</sup> [BL 80,92]. Tổng số tiền D đã trả cho anh P 1.664.888.000<sup>d</sup>, nợ lại 38.900.000<sup>d</sup>, có ký xác nhận nợ vào phiếu cân xe của anh P với tên Trần Định D [BL 135, 137].

+ Chuyến 4: Ngày 11/4/2017, anh P bán cho D 21.305kg hạt điều giá 50.200<sup>d</sup> = 1.069.500.000<sup>d</sup> [BL 84,88]. Chuyến này D chưa thanh toán, chỉ trả 300.000.000<sup>d</sup> trong số nợ chuyến thứ 3 ngày 8/4 cho P, còn nợ lại 38.900.000<sup>d</sup> của chuyến thứ 3. Tổng số tiền D chưa thanh toán cho anh P ghi trên phiếu của anh P là 1.108.400.000<sup>d</sup> (1.069.500.000<sup>d</sup> chuyến 4 + 38.900.000<sup>d</sup> chuyến 3), D ký xác nhận vào phiếu với tên Trần Định D.

+ Chuyến 5: Ngày 13/4/2017, anh P bán cho D 22.900kg hạt điều [BL 81,89]; về giá thì do hạt điều chuyến này gồm có 02 loại: Loại 1 là 5.400kg x 53.500<sup>d</sup> = 288.900.000<sup>d</sup>; loại 2 là 17.500kg x 49.300<sup>d</sup> = 862.750.000<sup>d</sup>; tổng số tiền là 1.151.650.000<sup>d</sup>. Tổng số tiền D đã trả cho anh P chuyến này là 1.090.000.000<sup>d</sup>, nợ lại 61.650.000<sup>d</sup> [BL 461-462; 465-467].

+ Chuyến 6: Ngày 15/4/2017, anh P bán cho D 26.470kg hạt điều với giá 51.500<sup>d</sup>/01kg, thành tiền 1.363.200.000<sup>d</sup>. Trong chuyến này, D mới thanh toán cho anh P tổng cộng 550.000.000<sup>d</sup> nợ lại 813.200.000<sup>d</sup>.

Tổng số tiền D chiếm đoạt của anh P các ngày 11,13 và 15/4 là 1.983.250.000<sup>d</sup>. Anh P nhiều lần liên lạc vào 02 số điện thoại 0868.750.283 và 0967.460.754 của D cho để đòi tiền, D hứa hẹn sẽ trả. Tuy nhiên, D vứt bỏ 02

sim điện thoại trên để cắt liên lạc với anh P và những người liên quan rồi bỏ trốn ra quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để chiếm đoạt số tiền 1.983.250.000<sup>d</sup> của anh P. Do không liên được với 02 số điện thoại của D để đòi tiền nên ngày 18/6/2017, anh P gửi đơn tố cáo Trần Đình D và bà Trương Thị Thanh L chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước. Quá trình điều tra ban đầu, Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng Trần Đình D. Đến tháng 08/2017, anh P vô tình đọc báo phát hiện người tên Trần Nhật D bị Công an thành phố N bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chính là Trần Đình D là người anh P đã tố cáo trước đây nên tiếp tục đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước trình báo.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã phối hợp với Cơ quan CSĐT Công an thành phố N tiến hành điều tra, xác định đối tượng Trần Đình D bị anh P tố cáo chính là Trần Nhật D, người bị Công an thành phố N bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của chị Vũ Thị H, SN 1970, HKTT: Xã E, huyện E, Đak Lak, cũng với thủ đoạn tương tự là dùng tên giả và số điện thoại không đăng ký chính chủ trong thời gian trốn ở thành phố Hà Nội. Trong vụ án này, Lê Thị K là chủ mưu, Trần Nhật D là đồng phạm. Bản án số 383/2017/HSST ngày 20/12/2017 của TAND thành phố N tuyên phạt K 07 năm 06 tháng tù giam và D 05 năm 06 tháng tù giam [BL 272, 276-279].

Đối với số tiền 1.983.250.000<sup>d</sup> chiếm đoạt của anh P, các ngày 13, 30/6 và 06, 07, 13, 31/7/2017, D chuyển 870.000.000<sup>d</sup> từ tài khoản 5223205072159 của D mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh E tỉnh Đăk Lăk sang tài khoản số 3180205199134 của D mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh T. Sau đó, D chuyển 06 lần tổng cộng 950.000.000<sup>d</sup> vào tài khoản số 522320591420 của Hồ Thị Xuân K, SN 1979, HKTT: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đak Lak mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh E để trả nợ tiền mua bán nông sản giúp cho Lê Thị K (chuyển từ tài khoản số 3180205199134 là 750.000.000<sup>d</sup>; từ tài khoản 5223205072159 là 200.000.000<sup>d</sup>) [BL 141-153]; chuyển từ tài khoản 5223205072159 cho Hoàng Văn Đ vay 100.000.000<sup>d</sup> thông qua tài khoản số 5611205064722 con gái Đ là Hoàng Thị Xuân Q mở tại Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Bình Phước; chuyển cho vợ là Vũ Thị L, SN 1972, HKTT: Xóm 10, xã Tr, huyện Tr, tỉnh N số tiền 20.000.000<sup>d</sup> [BL 173-189; 195-197]. Ngoài ra, D còn chuyển với nội dung trả tiền mua hàng cho rất nhiều người khác và tiêu xài cá nhân hết trong quá trình bỏ trốn và sử dụng tên giả để mua bán nông sản tại thành phố Hà Nội.

Đối với số tiền 100.000.000<sup>d</sup> D cho Đ vay, ngày 01/02/2018, Đ đã hoàn trả cho anh P [BL432]; số tiền 20.000.000<sup>d</sup> D chuyển cho Vũ Thị L, ngày 24/10/2019, bà Lụa đã hoàn trả anh P [BL 251];

Kết luận giám định số 54 ngày 13/3/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận: chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Đình D trên các phiếu cân xe điều có nội dung xác nhận nợ với anh Vi Văn P là do Trần Nhật D viết ra.

Cáo trạng số 04/CTr-VKS-P1 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân D tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Trần Nhật D về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

***Tại phiên tòa:***

- Bị cáo thừa tội danh như Viện kiểm sát truy tố và đồng ý hoàn trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Nhật D từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 383/2017/HSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân D thành phố N, tỉnh N: Buộc bị cáo Trần Nhật D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù đến 19 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung không áp dụng do bị cáo không có công việc ổn định và hiện đang chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả lại toàn bộ số tiền 1.983.250.000<sup>d</sup>, trừ đi số tiền 120.000.000<sup>d</sup> anh Hoàng Văn Đ và chị Vũ Thị L đã hoàn trả, số tiền còn lại là 1.863.250.000<sup>d</sup> cho ông P.

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đồng ý về tội danh và khung khoản mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 xét xử bị cáo dưới khung hình phạt hoặc áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khoản 4 Điều 174 xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm hòa nhập với cộng đồng, lao động để khắc phục hậu quả và trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của bà Trương Thị Thanh L, bà Trần Thị Thanh T, ông Trương Tuấn A.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Nhật D tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng mối quan hệ mua bán thỏa thuận giản đơn, Trần Nhật D sử dụng tên giả là Trần Đình D nhằm mục đích che dấu nhân thân lai lịch của mình, đồng thời sử dụng 02 số điện thoại không đăng ký chính chủ để giao dịch, mua bán 06 chuyến hạt điều với anh Vi Văn P vào các ngày 31/3; 06, 08, 11, 13 và 15/4/2017. Quá trình mua bán, D đã sử dụng cách thức: Ban đầu, mua hạt điều D thanh toán gần hết hoặc thanh toán phần lớn số tiền, chỉ để nợ lại phần nhỏ số tiền chưa thanh toán để tạo niềm tin cho anh P tiếp tục thực hiện giao dịch bán hạt điều cho D, D ký xác nhận nợ bằng tên giả là Trần Đình D vào phiếu cân điều của anh P. Khi đã tạo được lòng tin của bị hại thì đến chuyến điều thứ 6 ngày 15/4/2017, D mới vứt bỏ 02 sim điện thoại (không đăng ký chính chủ) mà D đã sử dụng để liên lạc giao dịch mua bán điều với anh P và bỏ trốn để chiếm đoạt tổng số tiền 1.983.250.000<sup>d</sup>. Qua tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định giao dịch mua bán điều giữa bị cáo và anh P là giao dịch độc lập, không liên quan đến giao dịch mua bán điều giữa bị cáo và chị Trương Thị Thanh L; chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền mua bán điều của anh P. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Trần Nhật D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng, mất niềm tin giữa con người với con người và gây bất bình trong nhân dân. Do vậy, đối với bị cáo cần phải có một mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và công tác phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu: Ngày 20/12/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N, xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 383/2017/HSST.

[5] Tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; tại

phiên tòa bị cáo đồng ý hoàn trả toàn bộ số tiền thiệt hại còn lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có người thân là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Do ngày 20/12/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N, xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 383/2017/HSST (thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017) nên cần tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hiện đang chấp hành án nên miễn cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Vi Văn P yêu cầu bị cáo hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 1.983.250.000<sup>d</sup> (sau khi đã trừ đi số tiền 120.000.000 đồng mà anh Hoàng Văn Đ và chị Vũ Thị L đã hoàn trả). Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh P 1.863.250.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện và đồng ý bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của anh P. Xét đây là sự tự nguyện của các bên không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Lưu kèm theo hồ sơ các vật chứng:

- 04 phiếu cân (phô tô): Số 000057 ngày 11/4/2017; 000078 ngày 15/4/2017; 000067 ngày 13/4/2017; 000272 ngày 31/3/2017;

- 01 Giấy sao K (sổ phụ) của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B-BP, STK 5606205048238 của khách hàng Vi Văn P;

- 05 phiếu gốc: số 000057 ngày 11/4/2017; 000067 ngày 13/4/2017; 000078 ngày 15/4/2017; 000026 ngày 06/4/2017; 000037 ngày 08/4/2017;

- 04 phiếu cân xe gốc: số 000026 ngày 06/4/2017; 000037 ngày 08/4/2017; số 000067 ngày 13/4/2017; 000077 ngày 14/4/2017;

- 07 phiếu cân xe: số 000272 ngày 31/3/2017; 000026 ngày 06/4/2017; 000037 ngày 08/4/2017; 000057 ngày 11/4/2017; 000067 ngày 13/4/2017; 000077 ngày 14/4/2017; 000078 ngày 15/4/2017.

[10] Đối với số tiền 950.000.000<sup>d</sup> D chuyển trả tiền hàng cho chị Hồ Thị Xuân K giúp cho Lê Thị K: Kết quả điều tra và tại phiên tòa cho thấy có việc giao dịch mua bán nông sản (hạt đậu, hạt mè) giữa K và chị K diễn ra trong thời gian dài; theo sổ phụ ngân hàng Agribank chi nhánh E-Đăk Lăk cung cấp cho thấy từ 12/5-14/8/2017, K đã 50 lần thanh toán cho chị K thông qua nhiều số tài khoản của K và D. Đồng thời, D và K có mua bán nông sản của nhiều người, có chuyển rất nhiều khoản tiền mua bán hàng qua nhiều tài khoản khác nhau trong thời gian bỏ trốn. Tại phiên tòa, chị K cũng trình bày không biết số tiền này do D phạm tội mà có. Như vậy, có cơ sở xác định giao dịch mua bán giữa K và chị K là giao dịch dân sự, có thật; chị K hoàn toàn không biết nguồn gốc số tiền mà bị cáo D đã chuyển trả nợ thay cho K là do phạm tội mà có nên không đủ cơ sở

xác định chị K và những người mua bán nông sản với D và K có hành vi giúp D tẩu tán tài sản. Do đó, không có căn cứ thu hồi số tiền trên.

[11] Đối với Lê Thị K, kết quả điều tra xác định không có căn cứ xác định K đồng phạm với D. Anh P và D đều xác định K không tham gia thỏa thuận, ký kết hợp đồng mua bán điều với bị cáo và anh P; bị cáo cũng không thông tin trao đổi hay bàn bạc gì với K về việc mua bán điều với anh P; chỉ có mình D ký xác nhận nợ vào các phiếu cân điều của anh P. Đối với số tiền D trả cho chị K giúp K, K xác định có lúc K đưa tiền cho D chuyển cho chị K, có lúc từ tiền của D do cả 02 sống chung như vợ chồng, không xác định được số tiền cụ thể. Tại phiên tòa, bị cáo D đồng ý trả toàn bộ số tiền cho bị hại, bị hại P cũng đồng ý. Hơn nữa, hiện K đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh thuộc Cục Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp - Bộ Công an, trong vụ án lừa đảo khác do K là chủ mưu và D là đồng phạm nên không có căn cứ thu hồi. Đối với số tiền bị cáo D đã chuyển trả nợ thay K cho chị K, bị cáo sẽ thực hiện quyền tố tụng dân sự riêng.

[12] Đối với việc xác định vai trò của bà Trương Thị Thanh L, chị Trần Thị Thanh T, anh Trương Tuấn A. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa bà L khẳng định không hợp tác làm ăn với D. Điều này được bị cáo D khẳng định. Phía bị hại P cũng khẳng định bị hại chỉ giao dịch mua bán 06 chuyến điều trên với bị cáo D. Do đó, giao dịch giữa bị cáo và anh P cũng như giao dịch giữa bị cáo với bà L là những giao dịch riêng biệt, không liên quan đến nhau. Việc bà L, chị Trúc, anh Tuấn A chuyển tiền cho anh P là chuyển trả tiền mua bán hạt điều của bị cáo theo yêu cầu của bị cáo D. Việc cắt thu hồi, kiểm tra chất lượng điều của Tuấn A và T là do D nhờ và được anh P đồng ý nên không có căn cứ chứng minh việc bà L, chị T, anh Tuấn A có vai trò giúp sức đối với bị cáo.

Đối với trách nhiệm dân sự giữa bị cáo D và bà L như đã phân tích trên, đây là giao dịch dân sự riêng giữa bị cáo và bà L, tại phiên tòa bà L cũng khẳng định đã thanh toán hết tiền mua hàng cho D, điều này được chứng minh thông qua chuyển khoản và trực tiếp giao tiền. Trong khi đó, bị cáo D cho rằng bà L còn nợ nhưng không xác định được nợ bao nhiêu và cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để xem xét. Trường hợp, sau này bị cáo cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thì có quyền khởi kiện thành vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[13] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về tội danh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt, áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm khắc phục thiệt hại cho anh P.



[13] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Trần Nhật D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. *Về áp dụng điều luật và hình phạt*:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Nhật D 12 (*mười hai*) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù của bản án số 383/2017/HSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N: Buộc bị cáo Trần Nhật D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 17 (*mười bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng các Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trần Nhật D phải hoàn trả cho bị hại ông Vi Văn P số tiền 1.863.250.000 đồng (Một tỷ tám trăm sáu ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4. *Về xử lý vật chứng vụ án*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên:

Lưu theo hồ sơ các vật chứng sau:

- 04 phiếu cân (phô tô): Số 000057 ngày 11/4/2017; 000078 ngày 15/4/2017; 000067 ngày 13/4/2017; 000272 ngày 31/3/2017;

- 01 Giấy sao K (sổ phụ) của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B-BP, STK 5606205048238 của khách hàng Vi Văn P;

- 05 phiếu gốc: số 000057 ngày 11/4/2017; 000067 ngày 13/4/2017; 000078 ngày 15/4/2017; 000026 ngày 06/4/2017; 000037 ngày 08/4/2017;

- 04 phiếu cân xe gốc: số 000026 ngày 06/4/2017; 000037 ngày 08/4/2017; số 000067 ngày 13/4/2017; 000077 ngày 14/4/2017;

- 07 phiếu cân xe: số 000272 ngày 31/3/2017; 000026 ngày 06/4/2017; 000037 ngày 08/4/2017; 000057 ngày 11/4/2017; 000067 ngày 13/4/2017; 000077 ngày 14/4/2017; 000078 ngày 15/4/2017.

5. *Án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Nhật D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 67.897.500đ (sáu mươi bảy triệu tám trăm chín bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM; (2)
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Đường sự;
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Hồng Hạnh**